



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



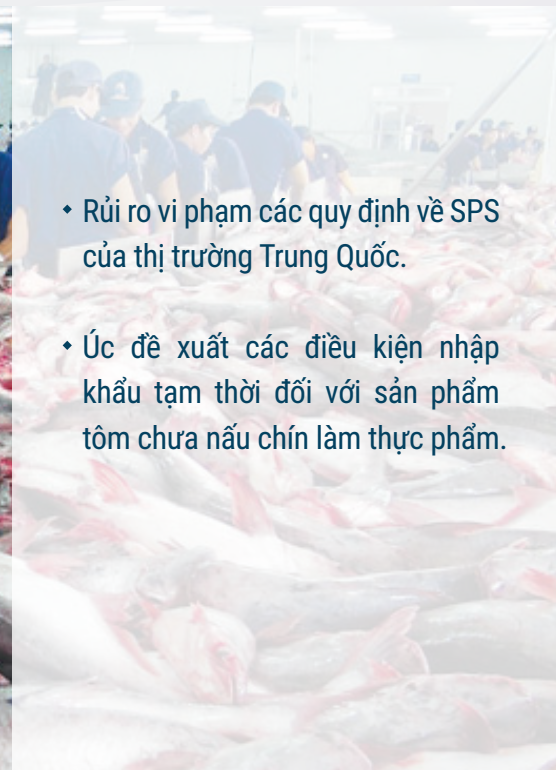
# BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 02, THÁNG 10, 2020

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



- So sánh các cam kết về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) trong Hiệp định thương mại tự do CPTPP và EVFTA.
- Cơ hội bưởi tươi Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Chi Lê.



- Rủi ro vi phạm các quy định về SPS của thị trường Trung Quốc.
- Ước đề xuất các điều kiện nhập khẩu tạm thời đối với sản phẩm tôm chưa nấu chín làm thực phẩm.

# BẢN TIN SPS VIỆT NAM

## Cơ quan chủ quản

### Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

#### Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

#### Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

#### Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

## Văn phòng SPS Việt Nam,

### Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: [spsvietnam@mard.gov.vn](mailto:spsvietnam@mard.gov.vn)

Website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)

## GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 19/GP-XBBT ngày 12/3/2020

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

# CHUYÊN MỤC

## Thông tin - Hoạt động

- So sánh các cam kết về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) trong Hiệp định thương mại tự do CPTPP và EVFTA. 03

- Cơ hội bưởi tươi Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Chi Lê. 08

- Hội nghị “Đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS), giải pháp thúc đẩy thương mại nông sản bền vững vào thị trường Trung Quốc”. 11

## Ý kiến – Trao đổi

- Rủi ro vi phạm các quy định về SPS của thị trường Trung Quốc. 13

- Úc đề xuất các điều kiện nhập khẩu tạm thời đối với sản phẩm tôm chưa nấu chín làm thực phẩm. 15

- Giải đáp chính sách (SPS) - “Các biện pháp quản lý giám sát kiểm tra và kiểm dịch (trái cây tươi) nhập khẩu vào Trung Quốc”. 18

- Hải quan Trung Quốc tăng cường quản lý, thúc đẩy hành động “Cửa bảo hộ quốc gia” về an toàn thực phẩm nhập khẩu. 20

## Văn bản mới

- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 10/2020 21



# CPTPP

COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS - PACIFIC - PARTNERSHIP

## SO SÁNH CÁC CAM KẾT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) TRONG HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ EVFTA

(Ảnh: nguồn internet)

ThS. Trần Thùy Dung  
Văn phòng SPS Việt Nam

Hiện nay, đồng hành với việc thực thi các quyền và nghĩa vụ theo Hiệp định về Áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (Hiệp định SPS của WTO) là việc thực thi các cam kết về áp dụng các biện pháp về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (Chương SPS) trong khuôn khổ các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là một bên tham gia đàm phán, ký kết với các mức độ cam kết khác nhau. Mức độ cam kết khác nhau trong Chương SPS của các FTA thể hiện quan điểm và lợi ích của mỗi quốc gia trong việc mở cửa và tự do hóa thương mại nông sản và thực phẩm giữa các quốc gia đối tác.

*Chương SPS trong hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) được coi là có mức độ cam kết cao nhất và toàn diện nhất đối với việc áp dụng các biện pháp SPS so với các FTA đã ký trước đây.*

### Các cam kết về SPS trong Hiệp định CPTPP

Trong Hiệp định CPTPP, các cam kết được nêu cụ thể tại Chương 7 về SPS, quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ, cũng như các nguyên tắc trong việc xây dựng và áp dụng các biện pháp về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của mỗi quốc gia thành viên trong Hiệp định CPTPP. Trên cơ sở kế thừa các cam kết của Hiệp định SPS của WTO, chương SPS của Hiệp định CPTPP có những cam kết rộng hơn, cụ thể: Tăng cường tính minh bạch hóa; tăng cường hợp tác và tham vấn kỹ thuật trong việc xây dựng dự thảo và áp dụng các biện pháp SPS; cơ sở khoa học và căn cứ trong việc xây dựng các biện pháp SPS; cụ thể hóa việc cung cấp thông tin đánh giá rủi ro; thành lập Tiểu ban SPS; tăng cường hợp tác trong công nhận tương đương với một hoặc nhiều biện pháp SPS và có thể công nhận tương đương trong toàn bộ hệ thống quản lý và kiểm soát an toàn thực phẩm cấp quốc gia; đánh giá rủi ro và dịch bệnh thích ứng theo điều kiện vùng và điều kiện khu vực (về mức độ dịch bệnh, sâu hại và thương mại) và việc cấp chứng nhận và kiểm tra nhập khẩu đối với hàng hóa nông sản thực phẩm nhập khẩu.



## Đánh giá và so sánh mức độ cam kết về SPS so với các FTA khác

Trước hết, so với tất cả các Hiệp định thương mại tự do trước đây, Chương SPS của Hiệp định CPTPP cũng có một điểm chung là đều tái khẳng định các quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên WTO theo Hiệp định SPS/WTO, các nguyên tắc của WTO, các nghĩa vụ minh bạch hóa, tính khoa học trong việc áp dụng các biện pháp SPS trên cơ sở đánh giá rủi ro, phân vùng dịch bệnh, hài hòa với các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế hài hòa.

*So sánh với các Hiệp định FTA đa phương khác mà Việt Nam tham gia với tư cách là thành viên ASEAN*

Một điểm khác biệt khi đàm phán các cam kết về SPS trong Hiệp định CPTPP với các FTA đa phương trong khuôn khổ ASEAN, chính là sự khác biệt về vị trí địa chính trị, điều kiện kinh tế và khí hậu của các quốc gia thành viên là định hướng cho những cam kết rộng và sâu hơn mang tính chiến lược. Nếu như đối với các FTA mà Việt Nam tham gia trong khuôn khổ ASEAN, các nước đối tác thường không muốn thúc đẩy đàm phán các nội dung SPS trong nội dung của Hiệp định (tập trung vào thương mại dịch vụ và thương mại hàng hóa) mà không đi sâu vào đàm phán các vấn đề rào cản kỹ thuật TBT và SPS nhằm thúc đẩy thương mại. Chỉ có 3 trong 6 các FTA mà ASEAN ký với các đối tác là Trung Quốc, Úc- New Zealand, Nhật Bản có đề cập đến nội dung SPS. Trong đó, các nước thành viên Hiệp định đa phương với ASEAN được khuyến nghị xây dựng các thoả thuận và tích cực đẩy mạnh quy trình đánh giá công nhận tương đương, có tham khảo và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng chung do ASEAN xây dựng.

*So sánh với các Hiệp định FTA đa phương khác mà Việt Nam tham gia với tư cách là một bên độc lập*

Trên thực tế, trong các Hiệp định FTA khác mà Việt Nam đã ký kết với tư cách là một bên độc lập đến thời điểm này (Hiệp định FTA với Chi Lê, Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên minh Kinh tế Á-Âu) cam kết về SPS đều đã được tách thành một chương cụ thể, không chỉ dừng lại ở việc tái khẳng định các cam kết, quyền và nghĩa vụ của Hiệp định SPS/WTO mà đi xa hơn, mở rộng hơn mức độ cam kết. Tuy vậy, xét về mức độ phức tạp của các cam kết SPS thì Hiệp định CPTPP bao gồm 18 Điều khoản đã đi sâu hơn, cụ thể hơn. Chi Lê và Nhật Bản đều đã có Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, tuy nhiên nội dung các cam kết tại Chương SPS của

các Hiệp định song phương này đều mới chỉ dừng lại ở mức tăng cường trao đổi thông tin, củng cố cơ chế giải quyết tranh chấp, nhưng chưa có nhiều cam kết cụ thể về SPS ở mức độ sâu và rộng như CPTPP.

## Các cam kết về SPS trong Hiệp định EVFTA

Chương SPS của Hiệp định EVFTA có thể được coi là một trong những cam kết sâu rộng nhất của Việt Nam khi tham gia các FTA từ trước đến nay. Trong đó, Chương 6 – Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật bên cạnh nhấn mạnh nghĩa vụ tuân thủ các nguyên tắc trong Hiệp định SPS của WTO, có thêm một số cam kết mới nhằm đảm bảo mục tiêu bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người, động vật, thực vật nhưng vẫn phải đảm bảo các biện pháp này không vượt quá mức cần thiết, gây cản trở không đáng có cho thương mại và đảm bảo minh bạch. Một số nội dung đáng chú ý của Chương 6 về các biện pháp SPS của Hiệp định EVFTA như sau:

- Việt Nam và EU cam kết áp dụng chung một hệ thống các thủ tục, điều kiện nhập khẩu đối với sản phẩm đến từ bất kỳ khu vực nào của bên kia (trừ một số trường hợp ngoại lệ, liên quan tới các khu vực dịch bệnh và các biện pháp khẩn cấp). Như vậy, dù sản phẩm của Việt Nam nhập khẩu theo cảng nào, vào nước thành viên nào của EU chỉ phải tuân thủ một bộ các điều kiện, thủ tục nhập khẩu như nhau. Ngược lại, Việt Nam cũng cần áp dụng các thủ tục, điều kiện nhập khẩu giống nhau với sản phẩm nhập khẩu từ EU, không phân biệt là từ nước nào của EU, trừ các điều kiện liên quan đến đặc điểm địa lý, dịch bệnh riêng của từng quốc gia. Các nước Liên minh EU có một đặc điểm cụ thể là hàng hóa nông sản khi đã được thông quan ở một cửa khẩu của một quốc gia Liên minh EU sẽ được tự do di chuyển và đi lại giữa 28 quốc gia thành viên. Hàng hóa của Việt Nam một khi được thông quan qua một cửa khẩu tại một quốc gia thành viên EU sẽ được di chuyển tự do trong lãnh thổ 27 quốc gia thành viên còn lại mà không phải tiến hành thủ tục hải quan (trừ một số mặt hàng đặc biệt như động vật sống, động thực vật quý hiếm,... sẽ cần thực hiện các thủ tục bắt buộc của từng quốc gia quy định riêng).

Việc lập danh sách doanh nghiệp, cơ sở sản xuất được miễn kiểm tra trước là một trong những điều khoản tiên tiến của Chương SPS thuộc Hiệp định EVFTA so với các cam kết trong các Hiệp định khác. Để phía EU cấp phép nhập khẩu, Việt Nam sẽ phải lập và gửi

trước cho phía EU một danh sách các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đáp ứng được các điều kiện, yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của Việt Nam. Sau khi danh sách đó được chấp thuận, hàng hóa nông sản của các doanh nghiệp có tên trong danh sách này sẽ được phía EU chấp thuận cho phép nhập khẩu vào EU. Đây là cam kết mang tính hai chiều. Do vậy, cam kết này được đánh giá là sẽ rút ngắn thời gian đàm phán mở cửa thị trường giữa hai Bên, cũng như tiết kiệm được chi phí thanh, kiểm tra trước khi cấp phép nhập khẩu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của nước xuất khẩu để đáp ứng được các điều kiện mà nước nhập khẩu đưa ra, tránh gây ảnh hưởng đến các

doanh nghiệp khác cũng như ảnh hưởng đến đánh giá hệ thống quản lý của nước xuất khẩu.

Theo cam kết EVFTA, Việt Nam và EU công nhận việc phân vùng phạm vi địa lý khi xác định nguy cơ dịch bệnh (theo vùng chứ không phải là toàn bộ lãnh thổ bên xuất khẩu), theo đó trong cùng một thời điểm, trên lãnh thổ bên xuất khẩu, có thể có những vùng nguy cơ dịch bệnh cao, có vùng nguy cơ thấp và có vùng không có nguy cơ trong cùng một thời điểm. Việc xác định tính chất của mỗi vùng (của cả nước nhập khẩu và nước xuất khẩu) phải căn cứ Hiệp định SPS và các tiêu chuẩn, khuyến nghị liên quan của IPPC cũng như xác định của OIE.



(Ảnh: nguồn internet)

## Đánh giá và so sánh mức độ cam kết về SPS so với các FTA khác

Với Hiệp định EVFTA, Việt Nam tham gia với vai trò là 1 bên độc lập kí kết hiệp định với một khối các quốc gia Liên minh Châu Âu gồm 28 nước thành viên. Cho đến thời điểm hiện tại, mức độ cam kết của Chương SPS (15 Điều khoản) của Hiệp định EVFTA được đánh giá là cao nhất so với các cam kết của Việt Nam tại

các Hiệp định thương mại tự do khác mà Việt Nam đã kí kết với tư cách là một bên độc lập (so với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – Hàn Quốc – 6 Điều khoản, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – Chi Lê với 7 Điều khoản,...)

**Bảng 1. So sánh mức độ cam kết về SPS trong các FTA**

TT	FTA	Hiện trạng	Đối tác	Cam kết SPS
<b>FTAs đã có hiệu lực</b>				
1	<b>AFTA</b>	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN (28/7/1995 VN gia nhập ASEAN)	Không có
2	<b>ACFTA</b>	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc	Không có, có Nghị định thư bổ sung
3	<b>AKFTA</b>	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc	Không có
4	<b>AJCEP</b>	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản	Chương 4 (5 Điều)
5	<b>AJCEP</b>	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản	Chương 5 (5 Điều)
6	<b>AIFTA</b>	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ	Không có
7	<b>AANZFTA</b>	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand	Chương 5 (11 Điều)
8	<b>VCFTA</b>	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê	Chương 6 (7 Điều)
9	<b>VKFTA</b>	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc	Chương 5 (6 Điều)
10	<b>VN – EAEU FTA</b>	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan	Chương 7 (12 Điều)
11	<b>AHKFTA</b>	Có hiệu lực từ 11/6/2019	ASEAN (Lào, Myanmar, Thái Lan, Singapore và Việt Nam) và Hồng Kông (Trung Quốc)	Chương 5 (10 Điều)
<b>FTAs thế hệ mới</b>				
12	<b>CPTPP (Tiên thân là TPP)</b>	Có hiệu lực từ 30/12/2018, có hiệu lực tại Việt Nam từ 14/01/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia	Chương 7 (18 Điều)
13	<b>EVFTA</b>	Ký kết vào 30/6/2019. Có hiệu lực từ 01/8/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)	Chương 6 (15 Điều)
14	<b>RCEP</b>	Ký ngày 15/11/2020	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand	Chương 6 (15 Điều)



### **Đối với các cơ quan nhà nước**

Một trong những thách thức mà các cơ quan nhà nước cần phải chuẩn bị để đối mặt một khi các Hiệp định Thương mại tự do này có hiệu lực, là sự mở cửa thị trường đồng loạt của Việt Nam với 27 nước xuất khẩu thành viên Liên minh Châu Âu ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực và với 10 nước thành viên khi Hiệp định CPTPP (Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia) được thực thi. Các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam cần nghiên cứu và xây dựng các văn bản, chính sách phù hợp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực từ sức ép này lên thị trường nội địa và cần có những chính sách khuyến khích thúc đẩy xuất khẩu dành cho các doanh nghiệp có quan tâm đến thị trường các nước

### **Đối với các doanh nghiệp**

Đối với việc phổ biến thông tin, cập nhật kiến thức về các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, có thể thấy rằng các doanh nghiệp của Việt Nam đều rất quan tâm và biết đến các cam kết cắt giảm thuế quan trong các Hiệp định này, nhưng vẫn chưa nắm bắt và tận dụng được các lợi thế về mặt phi thuế quan, đặc biệt là hiểu biết về các biện pháp vệ sinh, an toàn thực phẩm kiểm dịch động, thực vật. Trong khi đó, các biện pháp về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật đang ngày càng trở nên phổ biến và được áp dụng rất nhiều ở các thị trường. Do đó, các doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu, phối hợp với các cơ quan chức năng của Việt Nam để nắm bắt và cập nhật kịp thời các thay đổi của thị trường nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng được với các yêu cầu chất lượng ngày càng khắt khe hơn.

Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nông sản thường có kinh nghiệm nhiều hơn trên thực tiễn áp dụng các

thành viên Liên minh Châu Âu. Điều tương tự sẽ diễn ra khi Hiệp định CPTPP được phê chuẩn và đi vào thực thi. Hiệp định CPTPP đã được Quốc hội nước ta phê chuẩn và chính thức có hiệu lực từ 14/01/2019.

Năng lực quản lý, năng lực kỹ thuật, trình độ khoa học công nghệ của cơ quan quản lý cần được tập trung nâng cao nhằm đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới. Các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý cần chuẩn bị và xây dựng các chính sách pháp luật phù hợp với điều kiện thực tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cũng như giảm thiểu khó khăn, sức ép đến từ việc mở cửa khi tham gia Hiệp định trên.

biện pháp SPS của nước nhập khẩu. Các cơ quan chức năng lại có nguồn thông tin cập nhật liên tục về các thay đổi chính sách mới của các quốc gia, thị trường nhập khẩu trên thế giới. Chính vì vậy, nếu có được cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp tốt giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước thì có thể thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như nâng cao hiệu quả thực tế của các chính sách thúc đẩy xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Nhằm cung cấp cho quý bạn đọc cụ thể hơn về những cam kết, trách nhiệm và nghĩa vụ cùng với quyền lợi của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Văn phòng SPS Việt Nam sẽ tiếp tục phân tích chi tiết hơn trong những Bản tin sau.

## CƠ HỘI CHO BƯỞI TƯƠI VIỆT NAM XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG CHI LÊ

TS. Đào Văn Cường  
Văn phòng SPS Việt Nam



(Ảnh: nguồn internet)

Ngày 14/10/2019, tại Hà Nội, Việt Nam và Chi Lê đã thảo luận về các vấn đề nhằm thúc đẩy thương mại nông sản giữa hai nước.

Một năm sau ngày (14/10/2020), Văn phòng SPS Việt Nam nhận được thông báo của Chi Lê về việc mở cửa thị trường cho nhập khẩu đối với quả bưởi tươi (*Citrus maxima*) từ Việt Nam. Trước đó, hai bên

đã thảo luận chi tiết các vấn đề để việc thực thi các biện pháp kỹ thuật sao cho đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng mà không gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Để vào được thị trường Chi Lê, quả bưởi của nước ta phải đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu. Cụ thể:



<b>1</b>	Lô hàng xuất khẩu sang Chi Lê phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Chứng thư xuất khẩu) do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của Việt Nam (Cục Bảo vệ thực vật) cấp, trong đó ghi rõ:
<b>1.1</b>	Lô hàng không có động vật chân khớp, là các loài có tên khoa học sau: <i>Eutetranychus orientalis</i> , <i>Ferrisia virgata</i> , <i>Maconellicoccus hirsutus</i> , <i>Prays citri</i> , <i>P. endocarpa</i> , <i>Citripestis sagittiferella</i> .
<b>1.2</b>	Lô hàng phải được xử lý chiếu xạ 150 Gy để kiểm soát các loại ruồi đục trái như: <i>Bactrocera cucurbitae</i> , <i>Bactrocera dorsalis</i> .
<b>2</b>	Các nhà máy đóng gói do Cục Bảo vệ thực vật cấp chứng nhận, chịu trách nhiệm loại bỏ tất cả các quả buri từ vùng trồng và trong quá trình đóng gói bị hư hại do sâu bệnh;
<b>3</b>	Trước khi xử lý bằng chiếu xạ, thanh tra của Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam phải tiến hành kiểm tra từng lô hàng dựa trên phương pháp và mức độ lấy mẫu đảm bảo tính đại diện của lô hàng. Nếu trong quá trình kiểm tra, Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam phát hiện sự hiện diện của bất kỳ sinh vật gây hại nào đối với Chi Lê, lô hàng sẽ bị từ chối và vườn cây ăn quả sẽ bị loại khỏi danh sách đăng ký cho đến vụ tiếp theo;
<b>4</b>	Sau khi quả buri tươi được xử lý, các biện pháp bảo vệ cần thiết phải được thực hiện để tránh ô nhiễm và phải được bảo quản trong các buồng riêng cho đến khi chúng được vận chuyển đến Chi Lê
<b>5</b>	Vùng trồng, nhà máy đóng gói, nhà máy xử lý chiếu xạ, nơi sản xuất và chế biến quả buri tươi xuất khẩu sang Chi Lê phải được đăng ký mã số duy nhất và được Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam chấp thuận;
<b>6</b>	Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam sẽ cung cấp cho phía Chi Lê, trước khi bắt đầu mỗi vụ xuất khẩu gồm: danh sách các vùng trồng, nhà máy đóng gói và nhà máy xử lý được phép xuất khẩu quả buri tươi sang Chi Lê;
<b>7</b>	Trong các vùng trồng đã đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật, các biện pháp giám sát và kiểm soát phải được áp dụng để giữ cho chúng không bị nhiễm sinh vật gây hại quan trọng đối với Chi Lê, chúng phải được kiểm soát dưới sự giám sát của các cán bộ của Cơ quan Kiểm dịch chính thức của Việt Nam. Các hoạt động này phải được ghi vào sổ ghi chép thực địa hoặc một hệ thống tương đương, thông tin về sản phẩm phải có sẵn khi được Chi Lê yêu cầu cho các cuộc đánh giá đột xuất;
<b>8</b>	Các nhà máy đóng gói, các cơ sở lưu trữ và xử lý phải thường xuyên được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra khử trùng và kiểm dịch thực vật để ngăn ngừa sự xâm nhập và tái sinh của dịch hại;
<b>9</b>	Lô hàng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây trong quá trình kiểm tra khi nhập cảnh:
<b>9.1</b>	Không có đất, lá và mảnh vụn thực vật;
<b>9.2</b>	Các bao bì được sử dụng để xuất khẩu phải mới, sử dụng lần đầu, có thể niêm phong và phải cho phép áp dụng được các phương pháp khử trùng tại nơi đến;
<b>9.3</b>	Mỗi thùng hàng phải ghi rõ nước xuất xứ, loài thực vật, mã nơi sản xuất, mã nhà máy đóng gói và mã nhà máy xử lý chiếu xạ;
<b>9.4</b>	Ở bên ngoài mỗi kệ hàng xuất khẩu, phải đánh dấu chú giải "Dành cho Chi Lê";
<b>9.5</b>	Vật liệu đóng gói phải phù hợp với "Hướng dẫn về quy định bao bì bằng gỗ được sử dụng trong thương mại quốc tế";



(Ảnh: nguồn internet)

<b>9.6</b>	Các kho chứa lô hàng không được bao gồm nguyên liệu thực vật có khả năng mang dịch hại;
<b>10</b>	Phía Chi Lê có thể phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam thực hiện đánh giá vùng trồng, nhà máy đóng gói và nhà máy xử lý chiếu xạ để tất cả các hồ sơ xuất khẩu phải được lưu giữ và có sẵn từ ít nhất hai mùa gần nhất;
<b>11</b>	Các thùng hàng phải được cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam niêm phong để duy trì trạng thái chứng nhận kiểm dịch thực vật. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải được đóng dấu. Trong trường hợp vận chuyển bằng đường hàng không, các kệ hàng phải được bảo vệ bằng lưới chống muỗi hoặc một tấm che khác để ngăn côn trùng;
<b>12</b>	Mỗi lô hàng sẽ được cơ quan chức năng kiểm tra tại điểm nhập cảnh để xác minh việc tuân thủ các khai báo bổ sung, xử lý các vi phạm yêu cầu kiểm dịch thực vật được thiết lập trong tiêu chuẩn này;
<b>13</b>	Phía Chi Lê có quyền xem xét, yêu cầu kiểm dịch thực vật bất kỳ lúc nào nếu dịch hại được phát hiện và kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu đã thỏa thuận với Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam. Việc thanh tra hoặc đánh giá cũng được xem xét khi thay đổi tình trạng kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu. Chi Lê đã mở cửa cho quả xoài của Việt Nam và hiện nay sẵn sàng đón nhận thêm quả bưởi tươi từ Việt Nam với các yêu cầu nêu trên. Ngoài ra, Chi Lê đang nỗ lực đáp ứng các yêu cầu của phía Việt Nam để có thể tiếp tục mở cửa sớm nhất cho quả anh đào, kiwi, việt quất.

# HỘI NGHỊ “ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) – GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN BỀN VỮNG VÀO THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC”



Ngày 22/10/2020, Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh Dịch tễ và Kiểm dịch động, thực vật Việt Nam (Văn phòng SPS Việt Nam) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp tổ chức hội nghị “Đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS), giải pháp thúc đẩy thương mại nông sản bền vững vào thị trường Trung Quốc”.

Phát biểu tại Hội nghị, TS. Lê Thanh Hòa (Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện các quy định về SPS và thông tin về những tiềm năng, thách thức và cơ hội của thị trường Trung Quốc. Theo đó, Văn phòng SPS

Việt Nam đánh giá, Trung Quốc là một quốc gia lớn trong sản xuất và thương mại nông sản. Năm 2019, xuất nhập khẩu (XNK) nông sản của Trung Quốc đạt 230.07 tỷ USD, tăng 5.7% so với 2018, trong đó: Xuất khẩu là 79.10 tỷ USD, giảm 1.7%; Nhập khẩu là 150.97 tỷ USD, tăng 10.0%; Nhập siêu 71.87 tỷ USD, tăng 26.5%. 7 tháng đầu năm 2020, XNK nông sản của Trung Quốc đạt 156.4 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn nhất của Việt Nam (chiếm 24% tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam); Tăng trưởng bình quân 2010 - 2019 đạt xấp xỉ 15%/năm, từ 3.3 tỷ USD/năm 2010 lên 10.93 tỷ USD/năm 2019.

Tuy nhiên, do những thay đổi trong chính sách nhập



khẩu nông sản của thị trường Trung Quốc, đồng thời do ảnh hưởng tự đại dịch Covid-19 dẫn đến tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam – Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2020 chỉ đạt hơn 8.6 tỷ USD giảm 10.5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 6.3 tỷ USD giảm 9.6%, nhập khẩu đạt 2.3 tỷ USD, giảm 12.8%.

Một trong những khó khăn hiện nay làm cho sản phẩm nông lâm thủy sản của Việt Nam vẫn còn “loay hoay” với thị trường Trung Quốc là do phần lớn nông dân chưa quan tâm tìm hiểu về những thủ tục quy định nhập khẩu về thị trường này.

Hiện nay, với những thỏa thuận thương mại được Việt Nam và Trung Quốc ký kết sẽ là tiền đề và cơ hội để các mặt hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam được xuất khẩu thuận lợi sang thị trường đông dân nhất thế

giới. Tuy nhiên, để xuất khẩu thuận lợi, các mặt hàng này cần đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật từ đối tác Trung Quốc.

Tại Hội nghị, các diễn giả cũng đã chia sẻ nhiều thông tin, hướng dẫn về: tổng quan về quy định an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do; Các quy định xuất khẩu nông lâm thủy sản vào thị trường Trung Quốc; Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản sau thu hoạch; Kinh nghiệm thực hành VietGap trên cây ăn trái; Mức giới hạn tối đa (MRL) về tồn dư hóa chất theo quy định Trung Quốc và hiện trạng áp dụng tại Việt Nam; Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây ăn quả và một số sâu bệnh hại chính trên cây ăn quả và giải pháp quản lý.



(Diễn giả trình bày trong Hội nghị - Ảnh Đào Văn Cường)

# RỦI RO VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

ThS. Vũ Thị Hải Yến  
Văn phòng SPS Việt Nam

Trung Quốc được nhận định là thị trường tiềm năng cho xuất khẩu nông sản đối với bất cứ quốc gia nào, bởi đây là thị trường đông dân nhất thế giới với 1,439 tỷ dân. Bên cạnh đó, Trung Quốc là quốc gia có nền nông nghiệp phát triển, là một trung tâm giao dịch lớn về thương mại nông sản, thực phẩm trên thế giới và hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn của Trung Quốc rất phức tạp, đặc biệt cơ chế chính sách có độ nhạy cao đối với thị trường. Điều này lý giải vì sao việc xuất khẩu nông sản vào thị trường này diễn ra tương đối phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu ngày càng mạnh mẽ. Nhiều năm trở lại đây, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu truyền thống và tiêu thụ nông, thủy sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm 27% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản. Trong đó nhiều mặt hàng như rau quả, cao su, sắn và tinh bột sắn xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 70-90% tổng sản lượng xuất khẩu. Mặc dù vậy, thương mại nông sản Việt-Trung vẫn còn có những rủi ro và việc phát triển bền vững thị trường này vẫn là bài toán khó cần lời giải.

Năm 2015, Trung Quốc thông qua Luật An toàn thực phẩm mới và đến 2018 thực thi cải cách thể chế nhằm thúc đẩy thương mại nói chung và thương mại nông sản nói riêng. Tổng cục quản lý, giám sát chất lượng, kiểm tra & kiểm dịch Động thực vật (AQSIQ) được sáp nhập với Tổng cục Hải quan, sự hợp nhất về quản lý kéo theo hàng loạt các biện pháp đồng bộ được triển khai để tăng cường tái kiểm soát nông sản nhập khẩu, siết chặt giao dịch thương mại hình thức cư dân biên giới, thương mại tiểu ngạch nhằm phát triển thương mại nông sản theo hình thức chính ngạch. Đây là một trong những nguyên nhân khiến nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc bị chững lại và sụt giảm trong hai năm gần đây. Hơn nữa việc tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt bằng các biện pháp SPS cũng dẫn đến nông sản Việt Nam bị cảnh báo vi phạm các yêu cầu này nhiều hơn.

Năm 2018, theo thông báo của Hải Quan Nam Ninh trường hợp nông sản Việt Nam vi phạm dẫn đến bị trả hàng bao gồm (1) trái cây 140 lô tương đương 3049 tấn; (2) tinh bột sắn 13 lô; (3) ớt khô 67 lô; (4) thủy



(Ảnh: nguồn internet)



hải sản 35 lô, (nguyên nhân vi phạm chủ yếu như phát hiện sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch, chỉ tiêu dư lượng hóa chất vượt mức giới hạn cho phép, nhãn mác đóng gói không phù hợp theo quy định, giấy chứng nhận hàng hóa không hợp lệ, giả mạo nguồn gốc xuất xứ.v.v. Đây đều là các cảnh báo về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật cho hàng hóa nông sản của các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu.)

Tháng 10/2019, Việt Nam tiếp tục nhận được thông báo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về việc phát hiện 388 lô hàng trái cây trong 9 tháng đầu năm 2019 có các loài gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch của Trung Quốc như *Sternochetus mangiferae*, *Dysmicoccus neobrevipes*, *Planococcus minor*. Tháng 1/2020, Trung Quốc thông báo về việc Việt Nam xuất khẩu bột cá sang nước này trong tháng 11/2020 có 9 lô hàng bị lẫn tạp chất bột thịt bò lợn và đình chỉ tư cách xuất khẩu của 3 doanh nghiệp sản xuất có liên quan, đồng thời yêu cầu Việt Nam điều tra làm rõ. Mới đây, tháng 6/2020, Trung Quốc tiếp tục thông báo về việc phát hiện 220 lô hàng quả xoài tươi Việt Nam bị nhiễm *Sternochetus olivieri* và hủy bỏ tư cách xuất khẩu của 18 doanh nghiệp đóng gói và 12 vùng trồng xoài của Việt Nam.

Việc liên tiếp bị cảnh báo về mất an toàn thực phẩm và nhiễm sâu hại trên nông sản xuất khẩu vào

Trung Quốc sẽ làm giảm uy tín đối với các mặt hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu thị trường này và hệ lụy là việc mất lòng tin và ảnh hưởng đến mở cửa thị trường hay duy trì và gia tăng thị phần cho nông lâm thủy sản của Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn. Đây là vấn đề cần nhận được sự quan tâm của cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp cho đến những người trực tiếp sản xuất. Với vai trò là cơ quan đầu mối, chúng tôi kêu gọi cần nhận thức và quán triệt rằng, (i) SPS liên quan đến tất cả các công đoạn của chuỗi giá trị, xuyên suốt từ khâu giống, gieo trồng, canh tác, nuôi, đến thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch và trong cả khâu vận chuyển lưu thông đến nơi nhập khẩu, do vậy cần (ii) chủ động tiếp cận các thông tin SPS của thị trường để điều tiết sản xuất đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;

Để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững cho nông sản Việt Nam xuất khẩu bền vững thì sự kiểm soát toàn diện về chất lượng theo chuỗi là rất cần thiết, giúp các nhà xuất khẩu Việt Nam vượt qua các quy định về biện pháp SPS, tạo nền tảng vững chắc, thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, đặc biệt là duy trì phát triển thương mại nông sản bền vững ở thị trường xuất khẩu truyền thống.



(Ảnh: nguồn internet)





(Ảnh: nguồn internet)

# ÚC: ĐỀ XUẤT CÁC ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU TẠM THỜI ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔM CHƯA NẤU CHÍN LÀM THỰC PHẨM

ThS. Trần Thùy Dung  
Văn phòng SPS Việt Nam

Với thời hạn tiếp nhận các ý kiến góp ý trong 60 ngày, Chính phủ Úc vừa công bố một Dự thảo Quy định mới áp dụng cho tất cả sản phẩm tôm chưa nấu chín cấp bến lãnh thổ Úc từ tháng 7 năm 2020. Theo đó, tôm chưa nấu chín nhập khẩu phải được chứng nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền của các nước xuất khẩu rằng các sản phẩm này đã được làm sạch trong quá trình chế biến (loại bỏ đường tiêu hóa nằm dọc theo sườn lưng của tôm đến ít nhất là phần vỏ cuối cùng và quạt đuôi). Sau khi các điều kiện nhập khẩu tạm thời này được thực hiện, chỉ các lô hàng tôm được



(Ảnh: nguồn internet)

xác nhận là đã qua quá trình làm sạch đúng cách và đáp ứng tất cả các yêu cầu khác đối với tôm chưa nấu chín, sẽ được thông qua khâu kiểm soát sinh học và được thông quan.

Bên cạnh các quy định hiện hành áp dụng cho các sản phẩm tôm nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp Úc đề xuất bổ sung một bước xử lý bắt buộc phải được thực hiện đối với tôm chưa qua chế biến nhập khẩu. Loại bỏ đường tiêu hóa nằm dọc theo sườn lưng tôm được coi là biện pháp tạm thời có hiệu quả để giảm rủi ro do các vi bào tử trùng EHP trong tôm bị nhiễm bệnh. Các điều



kiện nhập khẩu tạm thời mới được đề xuất để đảm bảo việc trao đổi thương mại đối với sản phẩm tôm chưa nấu chín được tiếp tục một cách an toàn và đạt được mức độ bảo vệ phù hợp về an toàn vệ sinh thực phẩm của Úc.

Theo đó, sản phẩm tôm chưa nấu chín xuất khẩu sang Úc cần đáp ứng được các yêu cầu sau:

Tôm chưa nấu chín được đông lạnh và đã loại bỏ đầu và vỏ (phân đoạn vỏ cuối cùng và quạt đuôi được cho phép giữ lại);

Tôm chưa nấu chín đã được làm sạch đường chỉ đen trên lưng tôm (loại bỏ đường tiêu hóa đến ít nhất là đoạn vỏ cuối cùng);

Tôm chưa nấu chín đã được xử lý, kiểm tra và phân loại tại một cơ sở được phê duyệt và dưới sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền;

Tôm chưa nấu chín không có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm;

Sản phẩm từ mỗi lô đã được phát hiện sau quá trình xử lý không có virus gây bệnh đốm trắng và bệnh đầu vàng tuýp 1 dựa trên phương pháp lấy mẫu và xét nghiệm được Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) công nhận để chứng minh không bị nhiễm bệnh;

Tôm chưa nấu chín đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, phù hợp làm thực phẩm cho con người;

**Mỗi gói sản phẩm phải được ghi rõ các từ “for human consumption only-not to be used as bait or feed for aquatic animals” (chỉ dành cho con người sử dụng làm thức ăn - không được sử dụng làm mồi hoặc thức ăn cho động vật thủy sản).**

## Một số quy định hiện hành với sản phẩm tôm:

Chính phủ Úc đã và đang áp dụng các yêu cầu đối với các sản phẩm tôm nhập khẩu từ nước ngoài để sử dụng làm thực phẩm cho con người như sau:

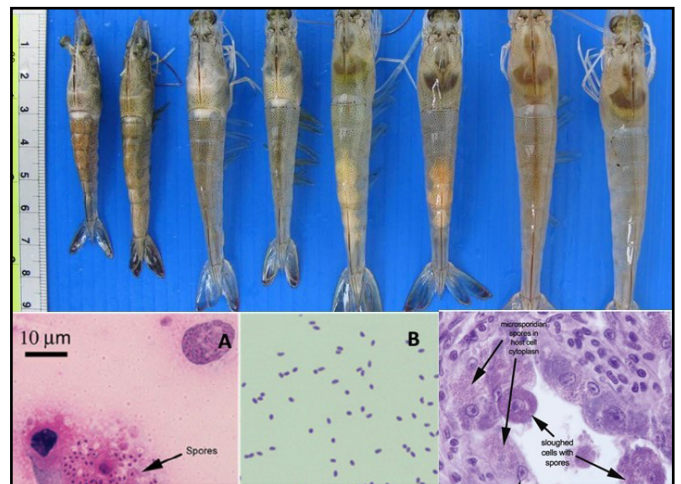
Đối với tôm chưa nấu chín đã qua sơ chế sâu, trong đó thịt tôm sống được sử dụng để làm nhân bánh bao, chả giò, samosa, cuộn, thịt viên hoặc các loại dim sum cũng cần được xử lý, kiểm tra và phân loại tại một cơ sở được phê duyệt và dưới sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận không có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm.

Đối với sản phẩm tôm tẩm bột, đập dập hoặc xay vụn đã được loại bỏ đầu và vỏ (cho phép sử dụng phân đoạn vỏ cuối cùng và quạt đuôi) và được nấu chín: bên

cạnh các yêu cầu tương tự như trên, các sản phẩm tôm tẩm bột cần phải được sơ chế (sử dụng nhiệt) sau khi tôm đã được phủ bột nhằm thành hình khối cứng và lớp bột cần bám dính vào lớp vỏ của tôm.

Các sản phẩm tôm đã được nấu chín cũng cần được xử lý, kiểm tra và phân loại tại một cơ sở được phê duyệt và dưới sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận không có dấu hiệu bệnh truyền nhiễm, và toàn bộ protein trong các sản phẩm tôm nấu chín đều phải được chuyển đổi hoàn toàn và không còn phần thịt tôm sống.

Theo như công bố tại Khuyến nghị An toàn sinh học số 2020-A02 trên trang web của Chính phủ Úc vào ngày 28 tháng 02 năm 2020 (**tham khảo tại địa chỉ: [farm.gov.au/biosecurity/risk-analysis/memos/](https://farm.gov.au/biosecurity/risk-analysis/memos/)**), Bộ Nông nghiệp, Nước và Môi trường của Úc khẳng định rằng việc đưa ra các điều kiện nhập khẩu tạm thời đối với tôm chưa nấu chín được nhập khẩu vào Úc là cần thiết để quản lý các rủi ro liên quan đến bệnh vi bào tử trùng Microsporidian gây ra bởi ký sinh trùng **Enterocytozoon hepatopenaei (EHP)**. Các điều kiện nhập khẩu hiện tại của Úc đối với tôm chưa nấu chín (bao gồm sản phẩm tôm đã đông lạnh và loại bỏ đầu và vỏ) vẫn chưa đạt được mức bảo vệ thích hợp (**ALOP**) của Úc để phòng ngừa vi bào tử trùng EHP.



## Về vi bào tử trùng EHP:

(Ảnh: nguồn internet)

Bệnh vi bào tử trùng Microsporidian trên tôm do ký sinh trùng EHP gây ra. Khi tôm bị nhiễm bệnh, chúng không gây chết tôm nhưng lại khiến tôm chậm lớn do EHP ký sinh trong hệ thống ống gan tụy và làm cho tôm không hấp thụ được chất dinh dưỡng. Không có nghiên cứu được công bố nào chỉ ra rằng các bào tử EHP trong đường tiêu hóa của tôm nhập khẩu sẽ bị bất hoạt thông qua việc tiếp xúc với nhiệt độ đông lạnh, bảo quản và

vận chuyển (ví dụ: -18°C đến -20°C). Nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra trong đường tiêu hóa của tôm bị nhiễm EHP có đủ lượng bào tử EHP để lây nhiễm cho các loài dễ nhiễm bệnh tiếp xúc qua con đường lây truyền tự nhiên (ví dụ: ăn thịt đồng loại).

Các điều kiện nhập khẩu được đề xuất cho tôm chưa nấu chín được đề xuất nói trên sẽ vẫn là 'tạm thời' trong khi Úc hoàn thiện bản Đánh giá rủi ro an toàn sinh học của tôm nhập khẩu vào Úc để tiêu thụ cho con người theo như thông báo của Giám đốc Cục An toàn Sinh học của Úc công bố vào ngày 16 tháng 5 năm 2017 (Khuyến nghị về An toàn sinh học số 2017/07; G/SPS/N/AUS/422). Bộ Nông nghiệp, Nước và Môi trường dự kiến dự thảo báo cáo sẽ được đưa ra để tiếp thu các ý kiến góp ý vào giữa năm 2020.

Mẫu Giấy chứng nhận y tế mới cập nhật của Úc đối với tôm và thịt tôm sử dụng làm thực phẩm cho con người được đính kèm với Thông báo này, bao gồm các mục được đề xuất sửa đổi (xem Điểm 7.1 (2)) dành cho các cơ quan có thẩm quyền để chứng nhận rằng sản phẩm đã được làm sạch. Sau khi kết thúc thời gian tham vấn, các đối tác thương mại được khuyến khích thực hiện các thay đổi chứng nhận cần thiết một cách kịp thời để không gây ra sự gián đoạn thương mại từ ngày 1 tháng 7 năm 2020. Các thông báo về Khuyến

ngợi An toàn sinh học và Thông báo SPS sẽ được đưa ra sau khi kết thúc thời hạn tham vấn.

### **Đánh giá và kiến nghị:**

Về các biện pháp khuyến nghị với EHP: Để loại bỏ EHP ra khỏi hệ thống nuôi là việc làm khó trong thời điểm hiện tại. Cách tốt nhất là các giải pháp phòng ngừa hoặc có thể giảm thiểu mật độ EHP có thể nhiễm vào trong hệ thống ao nuôi và kiểm soát mức độ phát triển của chúng.

Các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ tôm sang Úc cần chú ý cập nhật Mẫu Giấy chứng nhận y tế mới nhất từ Chính phủ Úc, tuân thủ các yêu cầu về làm sạch đối với các sản phẩm tôm cho đến khi có thêm thông tin mới nhằm tránh ảnh hưởng đến việc xuất nhập khẩu các sản phẩm này sang nước nhập khẩu. Các ý kiến góp ý về các điều kiện nhập khẩu tạm thời được đề xuất cho tôm chưa nấu chín sẽ được Chính phủ Úc tiếp nhận cho đến ngày 28 tháng 4 năm 2020 và cần được gửi đến địa chỉ: Cục An toàn sinh học động vật, Bộ Nông nghiệp, Nước và Môi trường, Hòm thư GPO số 858, CANBERRA ACT 2601.

Các cơ quan và doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu có liên quan có thể liên hệ Văn phòng SPS Việt Nam để tìm hiểu các thông tin và thủ tục cần thiết.



(Ảnh: nguồn internet)



# GIẢI ĐÁP CHÍNH SÁCH (SPS)

## “CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁM SÁT KIỂM TRA VÀ KIỂM DỊCH (TRÁI CÂY TƯƠI) NHẬP KHẨU VÀO TRUNG QUỐC”

ThS. Vũ Thị Hải Yến  
Văn phòng SPS Việt Nam

### MỤC TIÊU

Ngăn chặn sự xâm nhập của các sinh vật gây hại và các chất độc hại truyền nhiễm trong các loại trái cây nhập khẩu, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, an toàn sinh thái và sức khỏe con người của Trung Quốc.

### CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật, quy định, tiêu chuẩn liên quan về kiểm tra, kiểm dịch của Trung Quốc;  
Hiệp định song phương được ký giữa Chính phủ Trung Quốc và Việt Nam;  
Nghị định thư được ký giữa cơ quan kiểm tra, kiểm dịch của Việt Nam với Tổng cục Hải quan Trung Quốc;  
Các yêu cầu liên quan được liệt kê trong "Giấy phép kiểm dịch".

### QUY TRÌNH KIỂM TRA

Kiểm tra giấy chứng nhận hàng hóa có phù hợp hay không;  
Kiểm tra thông tin liên quan trên giấy chứng nhận và hộp đóng gói theo các yêu cầu và dấu kiểm dịch chính thức;  
Kiểm tra quả có mang côn trùng, triệu chứng sâu bệnh, cành, lá, đất hay không, nếu nghi ngờ dịch bệnh được tìm thấy trên khu vực cách ly, cần gửi đến phòng thí nghiệm để kiểm dịch;  
Mẫu được lấy theo quy định và tiêu chuẩn có liên quan; Thử nghiệm trong phòng thí nghiệm.



(Ảnh: nguồn internet)

## YÊU CẦU PHẢI ĐÁP ỨNG:

Không trộn lẫn, hoặc kèm theo loại trái cây không được liệt kê trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;  
Trên bao bì bắt buộc phải ghi bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh các thông tin: Tên trái cây, nơi xuất xứ và tên/mã nhà máy đóng gói;  
Không được mang theo sinh vật gây hại, đất, cành, lá và các tàn dư thực vật bị cấm khác;  
Lượng chất độc hại, có hại không được vượt quá tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe theo quy định của Trung Quốc;  
Phù hợp với yêu cầu liên quan của thỏa thuận đã ký với Trung Quốc.

## ĐÌNH CHỈ NHẬP KHẨU NẾU

Vườn trồng, khu vực nhà máy chế biến hoặc khu vực xung quanh có tình hình dịch bệnh thực vật nghiêm trọng bùng phát;  
Tìm thấy sinh vật gây hại trong danh mục đối tượng kiểm dịch mà Trung Quốc quan tâm khi kiểm tra và kiểm dịch;  
Qua kiểm tra, kiểm dịch phát hiện hàm lượng các chất độc hại vượt quá các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe của Trung Quốc;  
Không phù hợp với pháp luật và các quy định, thỏa thuận song phương hoặc các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan về kiểm dịch.



(Ảnh: nguồn internet)



# HẢI QUAN TRUNG QUỐC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, THÚC ĐẨY HÀNH ĐỘNG “CỬA BẢO HỘ QUỐC GIA” VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

ThS. Vũ Thị Hải Yến  
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 7/6/2020 các cơ quan gồm Văn phòng An toàn thực phẩm Quốc vụ viện, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Nông thôn, Ủy ban Y tế và sức khỏe, Tổng cục Hải quan và Tổng cục Giám sát thị trường đã phối hợp đồng tổ chức "Ngày an toàn thực phẩm thế giới" tại thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải Quan Trương Tế Văn cho biết, Hải quan sẽ không ngừng tăng cường giám sát, kiên quyết tuân thủ chặt chẽ giới hạn về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và bảo đảm "an toàn thực phẩm" cho người dân.

Theo ông Trương, trước đây Trung Quốc luôn là một quốc gia lớn trong sản xuất và thương mại thực phẩm. Theo thống kê trong bốn tháng đầu năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng của dịch viêm phổi động mạch vành, thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng. Theo số lượng kiểm nghiệm kiểm dịch toàn quốc gồm 33.000 lô, tăng trưởng 28,8%, về giá trị hàng hóa đạt 31.96 tỷ USD, tăng trưởng 38,9% với cùng kỳ. **"Cùng với thương mại thực phẩm không biên giới, an toàn thực phẩm cũng đồng thời không biên giới".**

Ông Trương cũng cho rằng, ngày nay việc toàn cầu hóa kinh tế, toàn cầu hóa thương mại, phân công hóa lao động sâu sắc và chuỗi công nghiệp phức tạp, cùng với sự tăng trưởng liên tục của thương mại thực phẩm xuất nhập khẩu của Trung Quốc, nguồn cung thực phẩm đang trở nên quốc tế hóa, và sản xuất nguyên liệu, chế biến thành phẩm, thương mại và vận chuyển có thể được diễn ra ở nhiều quốc gia hoặc khu vực, các rủi ro liên kết và chủ thể trách nhiệm càng phức tạp hơn; tình hình dịch bệnh bên ngoài như dịch tả lợn châu Phi, bệnh bò điên và cúm gia cầm .v.v. diễn biến khó lường sẽ là những thách thức lớn đối với an toàn thực phẩm và an ninh quốc gia của Trung Quốc.

Với tư cách là cơ quan có thẩm quyền quốc gia về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan kiên quyết quán triệt thực hiện yêu cầu quan trọng "bốn nghiêm ngặt nhất" (\*), gắn chặt với bố trí quyết sách trọng điểm lớn của Trung ương Đảng, Quốc vụ Viện là (1) bảo hộ có trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm và hết trách nhiệm; (2) tăng cường giám sát Hải quan, kiên quyết tuân thủ chặt chẽ giới hạn của an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu; (3) phục vụ phát triển kinh tế,

phần đầu đáp ứng nhu cầu nâng cao tiêu dùng và đời sống tốt đẹp của nhân dân; (4) hợp tác và đồng quản trị, chung tay cùng các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế để thúc đẩy chia sẻ quản trị an toàn thực phẩm.

Về phương diện ngăn ngừa rủi ro an toàn thực phẩm nhập khẩu, Phó tổng cục trưởng Trương Tế Văn cho biết, Hải quan kiên quyết lấy "nghiêm" làm đầu, toàn lực thúc đẩy hành động "Cửa bảo hộ quốc gia" của thực phẩm nhập khẩu. Năm 2019, Trung Quốc có 2283 lô hàng thực phẩm nhập khẩu không hợp lệ đã trả lại/tiêu hủy; tạm dừng/hủy tư cách đăng ký của 42 doanh nghiệp nước ngoài. Theo ông, Hải quan đã dốc toàn lực để tạo ra một mô hình đồng quản trị và chia sẻ về an toàn thực phẩm cho hàng hóa xuất nhập khẩu và cùng bảo đảm "an toàn thực phẩm" cho người dân. Trong nội bộ, Tổng cục Hải quan coi trọng cao độ và thiết thực tăng cường phối hợp và hợp tác với các bộ phận liên quan của Ủy ban An toàn thực phẩm Quốc Vụ Viện để thúc đẩy hiệu quả hợp tác và đồng quản trị. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan Trung Quốc còn chủ động tham gia vào quản lý an toàn thực phẩm toàn cầu và không ngừng mở rộng hợp tác an toàn thực phẩm trong khu vực quốc tế như "Vành đai và con đường", "Trung Quốc - ASEAN (10 + 1)", "Trung Quốc - Trung và Đông Âu 16 + 1", và tích cực thực hiện trách nhiệm thúc đẩy các chuỗi cung ứng lương thực toàn cầu, đảm bảo dòng chảy thực phẩm thông suốt.

An toàn thực phẩm liên quan đến an toàn tính mạng và sức khỏe con người, nó liên quan đến an toàn chung của đất nước và điều quan trọng là phải làm tốt công tác an toàn thực phẩm. Trong bước tiếp theo, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ thực hiện nghiêm túc các yêu cầu quan trọng của tiêu chuẩn "bốn nghiêm ngặt nhất" do Ủy ban an toàn thực phẩm Quốc Vụ Viện triển khai, kiên trì sứ mệnh, tăng cường trách nhiệm bảo hộ an toàn thực phẩm quốc gia, đóng góp và thúc đẩy phát triển lành mạnh thương mại thực phẩm.

**(\*) "Bốn nghiêm ngặt nhất" bao gồm "Tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất, giám sát chặt chẽ nhất, trừng phạt nghiêm khắc nhất và trách nhiệm nghiêm túc nhất."**

Nguồn: TCHQ Trung Quốc



# DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO - TRONG THÁNG 10/2020

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/EU/412	Liên minh Châu Âu	01/10/2020	Dự thảo Quy định được ủy quyền của Ủy ban sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng về các yêu cầu vệ sinh cụ thể đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật.
2	G/SPS/N/EU/415	Liên minh Châu Âu	02/10/2020	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Quy định được ủy quyền (EC) 2019/625 liên quan đến các điều kiện nhập khẩu đối với ốc sên sống, các sản phẩm hỗn hợp và vỏ bọc được đưa vào thị trường tiêu dùng dành cho con người.
3	G/SPS/N/TPKM/504/Add.1	Đài Bắc, Trung Quốc	05/10/2020	Tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm
4	G/SPS/N/TPKM/487/Add.1	Đài Bắc, Trung Quốc	05/10/2020	Tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm
5	G/SPS/N/PHL/464/Add.1	Philippines	05/10/2020	Dự thảo Thông tư ghi nhớ: Các biện pháp an toàn thực phẩm đối với gạo
6	G/SPS/N/KGZ/14	Kyrgyzstan	05/10/2020	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo quyết định "Về việc sửa đổi quy định thủ tục chung về kiểm soát thú y (giám sát) tại biên giới Hải quan của Liên minh kinh tế Á-Âu và trong lãnh thổ Hải quan của Liên minh kinh tế Á-Âu".
7	G/SPS/N/CAN/1341	Canada	05/10/2020	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất được phép sử dụng bao gồm tạo nhũ, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc sử dụng axit citric Este của mono- và Diglyceride (CITREM) làm chất nhũ hóa trong các công thức dựa trên protein dành cho trẻ sơ sinh với các mục đích ăn kiêng đặc biệt - Số tham khảo: NOM/ADM-0153.
8	G/SPS/N/CAN/1342	Canada	05/10/2020	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép sử dụng cho Pectin lyase từ <i>Aspergillus niger</i> Rung373 trong các loại thực phẩm tiêu chuẩn hóa và không tiêu chuẩn hóa khác nhau - Số tham chiếu: NOM / ADM-0154
9	G/SPS/N/TPKM/528/Add.1	Đài Bắc, Trung Quốc	06/10/2020	Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh đối với vi sinh vật trong thực phẩm
10	G/SPS/N/SAU/432/Add.1	Vương quốc Ả Rập Xê Út	06/10/2020	Điều kiện thông quan đối với sản phẩm thức ăn gia súc nhập khẩu
11	G/SPS/N/SAU/336/Add.1	Vương quốc Ả Rập Xê Út	06/10/2020	Lệnh tạm thời cấm nhập khẩu cá, giáp xác và các sản phẩm động vật thủy sản khác có nguồn gốc từ Việt Nam

12	G/SPS/N/EU/416	Liên minh Châu Âu	06/10/2020	Dự thảo quy chế thực hiện của Ủy ban sửa đổi quy định của Ủy ban (EU) 2019/627 liên quan đến các thỏa thuận thực tế thống nhất nhằm thực hiện các kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật.
13	G/SPS/N/JPN/782	Nhật Bản	07/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác
14	G/SPS/N/JPN/781	Nhật Bản	07/10/2020	Sửa đổi pháp lệnh thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác
15	G/SPS/N/JPN/780	Nhật Bản	07/10/2020	Sửa đổi pháp lệnh thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác
16	G/SPS/N/CAN/1343	Canada	07/10/2020	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật
17	G/SPS/N/AUS/502/Add.2	Úc	07/10/2020	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với bọ cánh cứng Khapra
18	G/SPS/N/TPKM/554	Đài Bắc, Trung Quốc	08/10/2020	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì đựng thực phẩm được phân loại theo 2 mã CCC cụ thể.
19	G/SPS/N/TPKM/553	Đài Bắc, Trung Quốc	08/10/2020	Dự thảo quy định về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn lô hội như một thành phần thực phẩm.
20	G/SPS/N/KOR/698	Hàn Quốc	08/10/2020	Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm.
21	G/SPS/N/AUS/501/Add.1	Úc	08/10/2020	Mở rộng những thay đổi tạm thời đối với các yêu cầu về giấy chứng nhận nhập khẩu đối với nhiều loại hàng hóa có nguồn gốc thực vật, động vật, sinh học và động vật nhập khẩu.
22	G/SPS/N/USA/3205	Hoa Kỳ	09/10/2020	Biên nhận của một số đơn thuốc trừ sâu được nộp do tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn khởi kiện và yêu cầu cho ý kiến.
23	G/SPS/N/EU/419	Liên minh châu Âu	12/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/197 ngày 13 tháng 02 năm 2020 liên quan đến việc ủy quyền của allura đỏ AC làm phụ gia thức ăn cho chó và mèo
24	G/SPS/N/EU/418	Liên minh châu Âu	12/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/107 ngày 23 tháng 01 năm 2020 liên quan đến việc cho phép ponceau 4R làm phụ gia thức ăn cho chó, mèo và cá cảnh
25	G/SPS/N/EU/417	Liên minh châu Âu	12/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/106 ngày 23 tháng 01 năm 2020 liên quan đến việc cho phép natri formate làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
26	G/SPS/N/BRA/1728/Add.1	Brazil	12/10/2020	Nghị quyết - Số 3834/RE, ngày 24 tháng 9 năm 2020
27	G/SPS/N/EU/424	Liên minh châu Âu	13/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/1091 ngày 24 tháng 7 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép L-threonine làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật

28	G/SPS/N/EU/423	Liên minh châu Âu	13/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/1090 ngày 24 tháng 7 năm 2020 liên quan đến việc cho phép L-histidine monohydrochloride monohydrate làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
29	G/SPS/N/EU/422	Liên minh châu Âu	13/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/1033 ngày 15 tháng 7 năm 2020 liên quan đến việc gia hạn việc cấp phép L-arginine được sản xuất bởi <i>Corynebacterium glutamicum</i> ATCC 13870 và L-arginine được sản xuất bởi <i>Corynebacterium glutamicum</i> KCCM 80182 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, và bãi bỏ quy định số 1139/2007
30	G/SPS/N/EU/421	Liên minh châu Âu	13/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/229 ngày 19 tháng 2 năm 2020 liên quan đến việc cho phép L-tryptophan làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
31	G/SPS/N/EU/420	Liên minh châu Âu	13/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/228 ngày 19 tháng 2 năm 2020 liên quan đến việc cho phép erythrosine làm phụ gia thức ăn cho chó và mèo
32	G/SPS/N/CHL/647	Chile	13/10/2020	Nghị quyết số 6779/2020 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với quả bưởi tươi ( <i>Citrus maxima</i> ) để tiêu thụ từ Việt Nam.
33	G/SPS/N/BRA/1734/Add.1	Brazil	13/10/2020	Nghị quyết - Số RE 3845, ngày 24 tháng 9 năm 2020
34	G/SPS/N/RUS/197	Liên Bang Nga	14/10/2020	Ủy ban kinh tế Á-Âu Dự thảo quyết định về việc sửa đổi quy định về các yêu cầu chung về thú y đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y và sửa đổi quyết định của Ủy ban liên minh Hải quan số 607 ngày 7 tháng 4 năm 2011.
35	G/SPS/N/EU/425	Liên minh châu Âu	14/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1092 ngày 24 tháng 7 năm 2020 sửa đổi quy định thực thi của EU số 1263/2011 liên quan đến việc cho phép <i>Lactococcus lactis</i> (NCIMB 30160) làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
36	G/SPS/N/EU/430	Liên minh châu Âu	14/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1397 ngày 5 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc gia hạn giấy phép sử dụng L-isoleucine được sản xuất bởi <i>Escherichia coli</i> FERM ABP-10641 như một chất phụ gia dinh dưỡng
37	G/SPS/N/EU/429	Liên minh châu Âu	14/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1396 ngày 5 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép geraniol, citral, 3, 7, 11-trimethyldodeca-2,6,10-trien-1-ol, (Z)-nerol, geranyl acetate, geranyl butyrate, geranyl formate, geranyl propionate, neryl propionate, neryl formate, neryl acetate, neryl isobutyrate, geranyl isobutyrate và prenyl acetate làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật ngoại trừ động vật biển



38	G/SPS/N/EU/428	Liên minh châu Âu	14/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1373 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép chelate kẽm của lysine và axit glutamic làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1373 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép chelate kẽm của lysine và axit glutamic làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
39	G/SPS/N/EU/427	Liên minh châu Âu	14/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1372 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cho phép L-tryptophan được sản xuất bởi <i>Escherichia coli</i> CGMCC 7.267, CGMCC 11 674 hoặc KCCM 10 534 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
40	G/SPS/N/EU/426	Liên minh châu Âu	14/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1175 ngày 7 tháng 8 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép L-cysteine hydrochloride monohydrate được sản xuất bằng cách lên men với <i>Escherichia coli</i> KCCM 80180 và <i>Escherichia coli</i> KCCM 80181 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
41	G/SPS/N/SAU/437	Vương quốc Ả rập Saudi	15/10/2020	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật về mật ong.
42	G/SPS/N/EU/432		15/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1370 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cho phép điều chế lanthanide citrate làm phụ gia thức ăn cho heo con cai sữa
43	G/SPS/N/EU/431	Liên minh châu Âu	15/10/2020	Dự thảo quy định thực thi của Ủy ban EU liên quan đến việc từ chối cấp phép axit photphoric 60% trên chất mang silica như một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc các nhóm chức năng của chất bảo quản
44	G/SPS/N/EU/433	Liên minh châu Âu	16/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1371 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cho phép điều chế endo-1,4-beta-xylanase và endo-1,4-beta-glucanase làm phụ gia thức ăn cho heo nái đang cho con bú
45	G/SPS/N/BRA/1567/Add.2	Brazil	16/10/2020	Chỉ thị quy chuẩn số 75, ngày 8 tháng 10 năm 2020
46	G/SPS/N/BRA/1566/Add.2	Brazil	16/10/2020	Nghị quyết - RDC số 429, ngày 8 tháng 10 năm 2020
47	G/SPS/N/USA/3206	United States	16/10/2020	Afidopyropen; Giới hạn thuốc trừ sâu cho phép. Quy tắc cuối cùng.
48	G/SPS/N/EU/438	Liên minh châu Âu	16/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1378 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép chelate đồng của lysine và axit glutamic làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật

49	G/SPS/N/EU/436	Liên minh châu Âu	16/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1400 ngày 5 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cho phép ethyl ester của axit $\beta$ -apo-8'-carotenoic làm phụ gia thức ăn cho gà để vỗ béo, gà đẻ và các loài gia cầm nhỏ lấy trứng và vỗ béo
50	Liên minh châu Âu	Liên minh châu Âu	16/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1379 ngày 1 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cấp phép L-cystine được sản xuất bởi <i>Pantoea ananatis</i> NITE BP-02525 làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
51	G/SPS/N/EU/435	Liên minh châu Âu	16/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU số 2020/1418 ngày 6 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cho phép sử dụng dịch chiết xuất ớt bột paprika ( <i>Capsicum annuum</i> ) đã được saponin hóa làm phụ gia thức ăn cho gà vỗ béo, các loài gia cầm nhỏ để vỗ béo, gà đẻ và các loài gia cầm nhỏ để lấy trứng.
52	G/SPS/N/EU/434	Liên minh châu Âu	16/10/2020	Quy định của Ủy ban (EU) 2020/1419 ngày 7 tháng 10 năm 2020 sửa đổi phụ lục II của quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng về việc sử dụng axit ascorbic (E 300) và axit xitric (E 330) trên các loại rau trắng dùng để chế biến sâu
53	G/SPS/N/JPN/788	Nhật Bản	19/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
54	G/SPS/N/JPN/787	Nhật Bản	19/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
55	G/SPS/N/JPN/786	Nhật Bản	19/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
56	G/SPS/N/JPN/785	Nhật Bản	19/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).



57	G/SPS/N/JPN/784	Nhật Bản	19/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
58	G/SPS/N/JPN/783	Nhật Bản	19/10/2020	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v.
59	G/SPS/N/EU/440	Liên minh châu Âu	19/10/2020	Quy định thực thi của Ủy ban EU 2020/1497 ngày 15 tháng 10 năm 2020 liên quan đến việc cho phép L-methionine được sản xuất bởi <i>Corynebacterium glutamicum</i> KCCM 80 184 và <i>Escherichia coli</i> KCCM 80 096 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
60	G/SPS/N/SAU/439	Vương quốc Ả Rập Xê Út	20/10/2020	Vương quốc Ả Rập Xê Út: Vitamin và khoáng chất được phép sử dụng trong thực phẩm
61	G/SPS/N/KGZ/15	Kyrgyzstan	20/10/2020	Ủy ban kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi quy định về các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (giám sát) và Ủy ban kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định sửa đổi quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan tháng 4 năm 2011 số 607
62	G/SPS/N/JPN/621/Add.1	Nhật Bản	20/10/2020	Sửa đổi danh sách các chất phụ gia thực phẩm hiện có (quy tắc cuối cùng)
63	G/SPS/N/CAN/1345	Canada	20/10/2020	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các loại Enzyme thực phẩm được phép cho phép sử dụng Acid Prolyl Endopeptidase từ <i>Aspergillus niger</i> GEP trong một số thực phẩm - Số tham chiếu: NOM / ADM-0155.
64	G/SPS/N/CAN/1317/Add.1	Canada	20/10/2020	Giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Trifloxystrobin
65	G/SPS/N/CAN/1316/Add.1	Canada	20/10/2020	Giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Glufosinate-Amoni
66	G/SPS/N/RUS/198	Liên bang Nga	21/10/2020	Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định "Về việc sửa đổi một số quyết định của Ủy ban kinh tế Á-Âu"
67	G/SPS/N/KOR/700	Hàn Quốc	21/10/2020	Dự thảo phụ lục 8 từ quy tắc thực thi về động vật hoang dã
68	G/SPS/N/KGZ/16	Kyrgyzstan	21/10/2020	Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định "Về việc sửa đổi một số quyết định của Ủy ban kinh tế Á-Âu"

69	G/SPS/N/TPKM/555	Đài Loan	22/10/2020	Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh đối với các chất gây ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm
70	G/SPS/N/JPN/764/Add.1	Nhật Bản	22/10/2020	Các sửa đổi đối với pháp lệnh thực thi tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với Fipronil)
71	G/SPS/N/JPN/763/Add.1	Nhật Bản	22/10/2020	Sửa đổi pháp lệnh thực thi tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa không liên quan (EMRLs) đối với Heptachlor)
72	G/SPS/N/KOR/701	Hàn Quốc	23/10/2020	Dự thảo đề xuất thiết lập đặc điểm kỹ thuật khuyến nghị cho Acrylamide trong thực phẩm
73	G/SPS/N/AUS/433/Add.6	Úc	27/10/2020	Luật xuất khẩu nông sản - Ban hành dự thảo quy tắc kiểm soát xuất khẩu đến 2020 - đợt hai.
74	G/SPS/N/BRA/1810	Brazil	30/10/2020	Hướng dẫn quy phạm số 56 ngày 27 tháng 7 năm 2020. Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu các sản phẩm thuộc nhóm 4, loại 1, của các loài ký chủ của vi rút đậu xanh.
75	G/SPS/N/BRA/1808	Brazil	30/10/2020	Hướng dẫn quy phạm số 52 ngày 27 tháng 7 năm 2020. Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu gỗ và các sản phẩm của gỗ vào Brazil, nhằm mục đích tiêu dùng, buôn bán hoặc chế biến (Loại 0 và loại 1, 2 và 3, loại 6), ngoại trừ gỗ bao bì và phụ kiện
76	G/SPS/N/BRA/1801	Brazil	30/10/2020	Hướng dẫn quy phạm số 101 ngày 07 tháng 10 năm 2020. Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu trái cây tươi (Rủi ro kiểm dịch thực vật hạng 3, nhóm rủi ro kiểm dịch thực vật 4) và các vật liệu có nguồn gốc thực vật dùng để nhân giống hoặc sinh sản (Nhóm rủi ro kiểm dịch thực vật 4, loại rủi ro 1)

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien> hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>





## VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Toà nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: [spsvietnam@mard.gov.vn](mailto:spsvietnam@mard.gov.vn)

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

